

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 508/2026/HC-PT
Ngày: 07 – 5 – 2026
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi
thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 208/2026/TLPT-HC ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 747/2025/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 430/2026/QĐPT-HC ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T1 (chết năm 2013)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1/. Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1970; Địa chỉ: A Đường A, khu phố E, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1964; Địa chỉ: A Hồ B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

3/. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: 3 Đường A, khu phố E, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Kim H và bà Huỳnh Thị H1:
Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1970 (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch UBND phường I, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh P – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1978 – Chức vụ: Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường P (vắng mặt)

2/. Ông Trần Tất T3, sinh năm 1980 – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường P (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1950; Địa chỉ: số E Xa lộ H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2/. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1982; Địa chỉ: 1 Á, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3/. Ông Huỳnh Kim C, sinh năm 1983; Địa chỉ: 2 Gò U, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4/. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1964; Địa chỉ: A Hồ B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

5/. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: 3 Đường A, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Kim H và bà Huỳnh Thị H1:
Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1970 (có mặt)

6/. Bà Huỳnh Thị S (chết năm 2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S:

6.1/. Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1970; Địa chỉ: A Đường A, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

6.2/. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1964; Địa chỉ: A Hồ B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

6.3/. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: 3 Đường A, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Kim H và bà Huỳnh Thị H1: Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1970 (có mặt)

- **Người kháng cáo:** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phạm Thị T1 có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Hộ gia đình bà Phạm Thị T1 có tài sản là nhà và đất diện tích 52,5m² thuộc thửa 17, tờ bản đồ 17 (theo tài liệu 2003) tại phường P, Quận I, thuộc dự án đầu tư mở rộng lộ giới Xa lộ H theo Quyết định thu hồi đất số 86/QĐĐ-UBND ngày 12/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I.

Ngày 05/9/2011, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 1621/QĐĐ-I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Phạm Thị T1 kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ 30/8/2011 với tổng số tiền là 479.267.000 đồng.

Không đồng ý với nội dung Quyết định 1621/QĐĐ-UBND-BBT, bà T1 đã khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I đã có Quyết định số 190/QĐ- I ngày 19/12/2011 về việc giải quyết khiếu nại với nội dung công nhận Quyết định 1621/QĐĐ-UBND-BBT là đúng quy định và việc bà T1 yêu cầu tính bồi thường đất ở với mức giá 30.000.000 đồng/m² và cho rằng nhà xây dựng trước năm 1993, bồi thường Nhà với mức giá 3.000.000 đồng/m² là không có cơ sở để xem xét.

Ngày 06/01/2014, Ủy ban nhân dân Quận I có Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung của hộ bà T1 kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 30/12/2013 với số tiền 247.275.000 đồng. Bà T1 cho rằng các quyết định nêu trên xác định nhà bà T1 xây dựng sau ngày 15/10/1993 trước 30/9/1995 và không thuộc mặt tiền Xa Lộ H là không đúng nguồn gốc, thời điểm sử dụng, xây dựng và vị trí thực tế của khu đất. Trường hợp của bà T1 phải được bồi thường về đất với giá 30.000.000 đồng/m²; không trừ tiền sử dụng đất và tính đơn giá bồi thường về nhà ở là 5.000.000 đồng/m².

Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 1621/QĐ-UBND-BBT ngày 05/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 190/QĐ-UBND-TT ngày 19/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Phía người bị kiện có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân Quận I đã ban hành Quyết định số 86/QĐĐ-UBND ngày 12/01/2009 thu hồi phần đất diện tích 52,5m² của hộ bà Phạm Thị T1 thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 17 (tài liệu năm 2003) tại phường P, Quận I để thực hiện dự án đầu tư mở rộng theo lộ giới Xa lộ H.

Ngày 05/9/2009, tổ công tác tiến hành kiểm kê thiệt hại tài sản của hộ bà Phạm Thị T1, ghi nhận phần đất đang sử dụng diện tích là 52,5m² do bà Phạm Thị sử dụng trước năm 1975, đến năm 1990 bà T1 sửa chữa lại căn nhà và sử dụng ổn định cho đến nay. Vị trí đất: không mặt tiền đường T ((rộng > 5m, hẻm C, đường đất).

Tại Biên bản họp xét nguồn gốc nhà đất của Ủy ban nhân dân phường I, Quận I ngày 05/9/2011 đã kết luận: Phần nhà đất của bà T1 bị thu hồi có thời điểm sử dụng và xây dựng sau ngày 15/10/1993 và trước 30/9/1995. Theo tài liệu 02/CT-UB có nhà. Hồ sơ không có tranh chấp khiếu nại, thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho hộ bà Phạm Thị T1 là chủ sử dụng.

Căn cứ điểm b, khoản 2, Mục III, Phần IV của Phương án số 06/PABT-IDBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng bồi thường - GPMB dự án đầu tư mở rộng theo lộ giới Xa lộ H, mục I phần IV của Phương án 06 về bồi thường, hỗ trợ đổi với đất ở hẻm đất cấp I, vị trí I1; khoản 1 mục I phần VII của Phương án; điểm d khoản 2 mục I phần III của Phương án, thời điểm xây dựng nhà từ sau 15/10/1993 đến trước 30/9/1995 thì được bồi thường theo giá đất ở nhưng phải trừ đi 50% tiền sử dụng đất với điều kiện người sử dụng đất phải cam kết phần diện tích đất ở nằm trong hạn mức đất ở (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Quận I đã mời hộ bà T1 lên làm việc để viết giấy cam kết nhưng bà T1 không đồng ý, không viết giấy cam kết nên Ủy ban nhân dân Quận I đã trừ 100% tiền sử dụng đất.

Từ đó, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 1621/QĐ-UBND-BBT ngày 05/9/2011 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Phạm Thị T1 kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 30/8/2011

với tổng số tiền là 479.267.000 đồng (trong đó: bồi thường, hỗ trợ 52,50m² đất ở hẻm đất cấp 1 vị trí I T với đơn giá 6.690.000 đồng/m² (trừ 100% tiền sử dụng đất); bồi thường nhà, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ khác) và hộ bà Phạm Thị T1 đủ điều kiện tái định cư 01 nền đất.

Do bà T1 có đơn khiếu nại đối với Quyết định 1621/QĐ-UBND-BBT nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I đã ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBND- TT ngày 19/12/2011 bác khiếu nại của bà Phạm Thị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân Thành phố I có Công văn số 5056/UBND- ĐTMT ngày 23/9/2013 về xác định đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ tại vị trí mặt tiền đường S Xa Lộ H trong dự án mở rộng Xa Lộ H trên địa bàn Quận I.

Ngày 04/7/2013, Ủy ban nhân dân Quận I có Quyết định số 210/QĐ-UB phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Phương án số 06/PABT-HDBT ngày 13/01/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án đầu tư mở rộng đường X tại các phường P, Phước Long A, H, T, L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/01/2014, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung của hộ bà Phạm Thị T1 kèm theo Bảng tính bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 30/12/2013 với số tiền là 247.275.000 đồng (diện tích đất 52.50m², hẻm đất cấp 1 vị trí I T (mặt tiền Song hành Xa Lộ H) với đơn giá 14.250.000 đồng/m² x 0.8). Như vậy, người bị kiện cho rằng việc Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định 1621/QĐ-UBND-BBT và Quyết định 21/QĐ-UBND là đúng quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông/bà Huỳnh Thị A1, Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị H1 trình bày: Thống nhất với ý kiến và các yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 747/2025/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T1:

- Hủy một phần Quyết định số 1621/QĐ-UBND-BBT ngày 05/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I;

- Hủy một phần Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I;

- Hủy một phần Quyết định số 190/QĐ-UBND-TT ngày 19/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I.

- Buộc Ủy ban nhân dân Quận I có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 07/11/2025, người bị kiện Chủ tịch UBND phường I có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I là ông Trần Tất T3 trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Bà Huỳnh Thị Á trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I làm trong hạn luật định; hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án triệu tập hợp lệ, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện xin xét xử vắng mặt, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

Theo đơn kháng cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) phường P cho rằng nhà đất của bà Phạm Thị T1 xây dựng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 30/9/1995 nên I bồi thường cho bà Phạm Thị T1 đất ở bằng 100% đơn giá nhưng phải trừ tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức trước đây, phía người bị kiện thừa nhận phần diện tích đất 52,5m² đất thuộc thửa 17 thu hồi của hộ bà Phạm Thị T1 có nguồn gốc trước đây do bà T1 khai phá, sử dụng trồng hoa màu; sau đó Ban N mượn đất bà T1 xây chốt dân quân; sau ngày 15/10/1993 thì bà tự nhận lại đất và xây dựng nhà để sử dụng đến nay.

Bà Phạm Thị T1 xác định từ năm 1985 phường P đã trả lại chốt dân quân cho bà T1; đến năm 1990 thì bà T1 sửa chữa căn nhà lá trên đất thành nhà tường và sử dụng cho đến ngày tiến hành đền bù, giải tỏa. Lời trình bày của bà T1 phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng gồm bà Dương Thị Hồng S1, bà Đặng Thị L, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn B, ông Viêm L1 đều xác định thời điểm bà T1 xây dựng nhà trước năm 1993.

Căn cứ Công văn số 10445/VPĐK-LT ngày 04/12/2023 của Văn phòng Đ thì tài liệu không ảnh của khu đất trên được thực hiện vào năm 1992. Tại tài liệu không ảnh năm 1992 (số hiệu ảnh TĐ.80) do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố H cung cấp, áp lên bản đồ địa chính kèm theo thì tại thửa số 17, tờ bản đồ số 7, vị trí đất của bà T1 có nhà tại thời điểm lập không ảnh.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định gia đình bà Phạm Thị T1 có quá trình sử dụng đất công khai, ngay tình, ổn định từ trước năm 1993 nên căn cứ khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai 2003, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003 xác định hộ bà T1 thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của Chủ tịch UBND phường I không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch UBND phường I phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND phường I.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 747/2025/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND phường I phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0045035 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng